**BÁO CÁO**

**Tổng kết đánh giá việc thực hiện Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa**

**1. Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT**

Ngày 19/12/2014 Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa. Sau gần 10 năm triển khai thực hiện, luôn nhận được sự phối hợp của các ngành, địa phương, sự tham gia đông đảo của các tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện trong hoạt động khai thác giao thông vận tải trên đường thuỷ nội địa; với trách nhiệm là cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật chuyên ngành giao thông vận tải đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đã phối hợp với Sở GTVT các tỉnh, thành phố thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định được giao.

Trên cơ sở báo cáo của các Sở GTVT, và các cơ quan, đơn vị liên quan Cục Đường thủy nội địa Việt Nam báo cáo tổng kết việc thực hiện Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI**

Ngay sau khi Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải được ban hành, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đã đăng tải lên trang thông tin điện tử của Cục đồng thời có văn bản đến các đơn vị thuộc Cục, các tổ chức cá nhân liên quan, đồng thời tổ chức các hội nghị để giới thiệu văn bản mới ban hành.

Cục đã có văn bản số 164/CĐTNĐ-VT-AT ngày 20/01/2022 và văn bản số 15/CĐTNĐ-VT-ATGT ngày 03/01/2024 đề nghị Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố, các Cảng vụ Đường thủy nội địa, các cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và các Hiệp hội, doanh nghiệp vận tải đường thủy đánh giá quá trình thực hiện Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố cũng đã triển khai các văn bản tổ chức thực hiện Thông tư trên phạm vi của địa phương, có văn bản báo cáo kết quả rà soát, đánh giá quá trình thực hiện Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT gửi Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

Theo quy định tại Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014, cơ quan đăng ký phương tiện là Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Tuy nhiên, từ khi thông tư có hiệu lực đến nay, phương tiện thủy nội địa hoàn toàn được đăng ký bởi Sở GTVT các tỉnh, thành phố và cơ quan quản lý giao thông cấp huyện, cấp xã, phường thị trấn tại các địa phương. Không có phương tiện thủy nội địa được đăng ký bởi Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Theo số liệu tổng hợp từ Sở GTVT các tỉnh, thành phố:

Tính đến hết năm 2023, tổng số phương tiện đã đăng ký 258.898 phương tiện, với tổng trọng tải: 23.049.367 tấn, tổng lượng ghế: 596.533 ghế, tổng công suất: 19.042.358 CV. Trong đó phương tiện loại 1: 109.717 phương tiện, Loại 2: 127.533 phương tiện, Loại 3: 18.252 phương tiện, Loại 4: 3.396 phương tiện. Trong đó:

- Vùng Trung du, Miền núi phía Bắc (14 tỉnh): tổng số phương tiện đã đăng ký 7.582 phương tiện (2.93%), với tổng trọng tải: 736.282 tấn, tổng lượng ghế: 19.823 ghế, tổng công suất: 309.597 CV. Trong đó phương tiện loại 1: 4.018 phương tiện, Loại 2: 2.092 phương tiện, Loại 3: 1.447 phương tiện, Loại 4: 25 phương tiện.

- Vùng Đồng bằng sông Hồng (11 tỉnh, thành phố): tổng số phương tiện đã đăng ký 31.170 phương tiện (12.04%), với tổng trọng tải: 10.396.093 tấn, tổng lượng ghế: 143.049 ghế, tổng công suất: 4.009.027 CV. Trong đó phương tiện loại 1: 23.423 phương tiện, Loại 2: 1.747 phương tiện, Loại 3: 2.926 phương tiện, Loại 4: 3.074 phương tiện.

- Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung (14 tỉnh, thành phố): tổng số phương tiện đã đăng ký 7.596 phương tiện (2.93%), với tổng trọng tải: 1.351.566 tấn, tổng lượng ghế: 54.021 ghế, tổng công suất: 496.248 CV. Trong đó phương tiện loại 1: 3.909 phương tiện, Loại 2: 3.357 phương tiện, Loại 3: 330 phương tiện, Loại 4: 0 phương tiện.

- Vùng Tây nguyên (05 tỉnh): tổng số phương tiện đã đăng ký 268 phương tiện (0.1%), với tổng trọng tải: 11.681 tấn, tổng lượng ghế: 1.983 ghế, tổng công suất: 12.588 CV. Trong đó phương tiện loại 1: 79 phương tiện, Loại 2: 92 phương tiện, Loại 3: 0 phương tiện, Loại 4: 97 phương tiện.

- Vùng Đông Nam bộ (06 tỉnh, thành phố): tổng số phương tiện đã đăng ký 10.915 phương tiện (4.22%), với tổng trọng tải: 1.825.536 tấn, tổng lượng ghế: 45.476 ghế, tổng công suất: 1.328.791 CV. Trong đó phương tiện loại 1: 7.489 phương tiện, Loại 2: 2.361 phương tiện, Loại 3: 1.065 phương tiện, Loại 4: 0 phương tiện.

 - Vùng Đồng bằng sông Cửu long (13 tỉnh, thành phố): tổng số phương tiện đã đăng ký 201.367 phương tiện (77.78%), với tổng trọng tải: 8.728.208 tấn, tổng lượng ghế: 332.181 ghế, tổng công suất: 12.886.107 CV. Trong đó phương tiện loại 1: 70.799 phương tiện, Loại 2: 117.884 phương tiện, Loại 3: 12.484 phương tiện, Loại 4: 200 phương tiện.

**III. ƯU ĐIỂM, THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI**

**1. Ưu điểm, thuận lợi**

Từ khi có hiệu lực, quy định của Thông tư đã phát huy được hiệu quả góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước đối với phương tiện thủy nội địa, đồng thời góp phần phát triển hoạt động vận tải thủy nội địa, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Các quy định về phân cấp UBND cấp huyện, cấp xã phường thị trấn là cơ quan có thẩm quyền đăng ký phương tiện cỡ nhỏ (công suất máy dưới 15 sức ngựa, sức chở dưới 12 người) góp phần nâng cao hiệu quả công tác đăng ký, quản lý phương tiện thủy nội địa.

Việc quy định đăng ký đối với phương tiện mang cấp VR-SB góp phần tăng cường kết nối vận tải đường thủy với các cảng biển, thúc đẩy hoạt động vận tải ven biển phát triển, giảm áp lực lên hệ thống giao thông đường bộ.

Quy định chi tiết các trưởng hợp đăng ký lại khi: chuyển quyền sở hữu, thay đổi tên, tính năng kỹ thuật, chủ phương tiện thay đổi trụ sở… góp phần tạo thuận lợi trong công tác đăng ký, quản lý phương tiện thủy nội địa.

**2. Khó khăn, tồn tại**

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổng hợp một số khó khăn, tồn tại cần được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với thực tiễn hoạt động vận tải đường thủy nội địa, tiếp tục tạo thuận lợi hơn nữa cho người dân và doanh nghiệp, cụ thể:

1. Chưa quy định xóa đăng ký phương tiện trong trường hợp phương tiện được chuyển nhượng ra nước ngoài.

2. Chưa phân cấp để cơ quan đăng ký phương tiện cấp huyện, xã, phường, thị trấn thực hiện in, quản lý, sử dụng và phát hành phôi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan đăng ký, giảm áp lực đối với cơ quan quản lý cấp trên, giảm chi phí, thời gian đi lại, giải quyết TTHC.

3. Chưa quy định thời hạn chủ phương tiện phải hoàn thành xong thủ tục kê khai để xóa tên phương tiện và thời hạn chủ phương tiện phải thực hiện thủ tục đăng ký lại phương tiện, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thay đổi tính năng kỹ thuật; khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa hoặc giấy chứng nhận xóa tên phương tiện thủy nội địa, chủ phương tiện phải xuất trình giấy hẹn và một trong cá loại giấy tờ sau: chứng minh nhân dân; căn cước công dân; thẻ căn cước; số định danh cá nhân, giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền.

4. Chưa quy định trách nhiệm của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam kiểm tra, thanh tra công tác đăng ký phương tiện thủy nội địa trong phạm vi cả nước; chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý phương tiện thủy nội địa.

5. Chưa quy định trách nhiệm của cơ quan đăng ký phương tiện thường xuyên cập nhật dữ liệu phương tiện vào cơ sở dữ liệu của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

6. Cụm từ “xóa đăng ký” tại Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT chưa phù hợp với Luật Giao thông đường thủy nội địa.

7. Chưa bổ sung “bản điện tử” các loại giấy tờ nhằm phù hợp với Luật Giao dịch điện tử.

8. Một số quy định không còn phù hợp với thực tiễn, mục tiêu, nhiệm vụ tại Đề án 06 cần cắt giảm, bãi bỏ, thay thế.

9. Chưa có cơ sở dữ liệu trực tuyến về đăng ký phương tiện thủy nội địa trên phạm vi cả nước. Việc chia sẻ dữ liệu, thông tin về phương tiện thủy nội địa chưa được quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật.

10. Việc đăng ký thực hiện thủ công, chưa có phần mềm thực hiện.

**IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**

Để quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa được chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn và các quy định của pháp luật có liên quan, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung quy định xóa đăng ký phương tiện trong trường hợp phương tiện được chuyển nhượng ra nước ngoài.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định cơ quan đăng ký phương tiện cấp huyện, xã, phường, thị trấn thực hiện in, quản lý, sử dụng và phát hành phôi giấy chứng nhận đăng ký phương tiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan đăng ký, giảm áp lực đối với cơ quan quản lý cấp trên, giảm chi phí, thời gian đi lại, giải quyết TTHC.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định thời hạn chủ phương tiện phải hoàn thành xong thủ tục kê khai để xóa tên phương tiện và thời hạn chủ phương tiện phải thực hiện thủ tục đăng ký lại phương tiện, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thay đổi tính năng kỹ thuật; khi đến nhận giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa hoặc giấy chứng nhận xóa tên phương tiện thủy nội địa, chủ phương tiện phải xuất trình giấy hẹn và một trong cá loại giấy tờ sau: chứng minh nhân dân; căn cước công dân; thẻ căn cước; số định danh cá nhân, giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định trách nhiệm của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam kiểm tra, thanh tra công tác đăng ký phương tiện thủy nội địa trong phạm vi cả nước; chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý phương tiện thủy nội địa.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan đăng ký phương tiện thường xuyên cập nhật dữ liệu phương tiện vào cơ sở dữ liệu của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

6. Thay thế cụm từ “xóa đăng ký” tại Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT bằng cụm từ “xóa tên” tại Thông tư sửa đổi, bổ sung.

7. Sửa đổi cụm từ “bản chính” tại điểm c khoản 1 Điều 10, khoản 2 Điều 10, điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 11, điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 12, điểm c khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 13, điểm d khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT thành cụm từ “bản chính hoặc bản điện tử” tại Thông tư sửa đổi, bổ sung.

8. Bãi bỏ cụm từ “theo quy định tại Mẫu số 12 của Phụ lục I ban hành theo Thông tư này” tại điểm b khoản 5 Điều 3 và cụm từ “ Chi cục Đường thủy nội địa” tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

9. Bãi bỏ điểm b khoản 1 tại các Điều 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17 và điểm c khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

10. Bãi bỏ khoản 1 Điều 5, khoản 11 Điều 7, khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

11. Thay thế Mẫu số 1, Mẫu số 6, Mẫu số 7, Mẫu số 8, Mẫu số 9, Mẫu số 10 Phụ lục I Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT tương ứng Mẫu số 1, Mẫu số 2, Mẫu số 3, Mẫu số 4, Mẫu số 5, Mẫu số 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư sửa đổi, bổ sung.

12. Thay thế Phụ lục II Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư sửa đổi, bổ sung.

**2. Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT**

1. Sửa đổi, bổ sung quy định cá nhân khi dự thi, kiểm tra, nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận GCNKNCM, CCCM phải xuất trình một trong các loại giấy tờ sau: chứng minh nhân dân; căn cước công dân; thẻ căn cước; số định danh cá nhân.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải, cơ sở đào tạo thường xuyên cập nhật dữ liệu về giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do đơn vị cấp vào cơ sở dữ liệu của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

3. Thay thế Phụ lục II, Phụ lục IV, Phụ lục VIII, Phụ lục XII, Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT (đã được thay thế tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) tương ứng với Phụ lục III, IV, V, VI, VII của Thông tư sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, không yêu cầu người dân khai báo lại các thông tin đã có trên CSDL quốc gia về dân cư và dữ liệu chuyên ngành.

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.